TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **197**/2024/QĐST-VDS	*Châu Thành, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Điều 212; Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 216/2024/TLST- VDS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

+ Bà **Võ Thị Ánh N**, sinh năm 1982;

+ Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1978;

Cùng trú tại: Số A, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà N và ông T đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau. Do không còn tình cảm nên nay yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung tên Trần Quế T1, sinh năm 2002 đã trưởng thành; bà Võ Thị Ánh N nuôi cháu Trần Trung T2, sinh ngày 11/12/2007, bà Võ Thị Ánh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về lệ phí HNGĐ bà N và ông T phải chịu theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 15 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của bà Võ Thị Ánh N và ông Trần Thanh T cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ánh N và ông Trần Thanh T thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Ánh N và ông Trần Thanh T chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Võ Thị Ánh N và ông Trần Thanh T không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quế T1, sinh năm 2002 đã trưởng thành; bà Võ Thị Ánh N nuôi cháu Trần Trung T2, sinh ngày 11/12/2007, ông Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Võ Thị Ánh N tự nguyện không yêu cầu.

Ông Trần Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2. Về lệ phí Tòa án:

- Lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, bà Võ Thị Ánh N và ông Trần Thanh T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0000417 ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Võ Thị Ánh N và ông Trần Thanh T đã nộp xong lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND X. Q;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền